

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ CHÍNH PHỦ
thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ I,
nhiệm kỳ 2025 - 2030

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chương trình hành động nhằm cụ thể hoá và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Chính phủ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, bám sát mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược, đồng thời bảo đảm phù hợp tình hình thực tế của Đảng bộ Chính phủ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước.

2. Chương trình hành động đề ra những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện những đề án, dự án quan trọng, trọng tâm, trọng điểm trong giai đoạn 2025 - 2030, phân công trách nhiệm cụ thể, rõ nguồn lực, tiến độ và các điều kiện cần thiết để thực hiện, làm căn cứ quan trọng để các đơn vị triển khai, kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động, yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng phải nghiêm túc quán triệt sâu sắc phương hướng lớn của Đảng bộ Chính phủ đó là: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng Chính phủ liên chính, hành động, kiến tạo phát triển, quyết tâm bút phá, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc; với Phương châm hành động là: **Đoàn kết, kỷ cương - Dân chủ, đổi mới - Đột phá, phát triển - Gần dân, vì dân**. Hiện thực hóa các quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới.

II- NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xây dựng chính quyền liên chính phục vụ Nhân dân

1.1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức

1.1.1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

- Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị: Kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định

mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng Đảng bộ Chính phủ thực sự là tấm gương mẫu mực về bản lĩnh chính trị, trí tuệ, đổi mới và đạo đức công vụ; là trung tâm đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong toàn bộ máy hành chính Nhà nước; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu.

- Nâng cao bản lĩnh chính trị và tác phong ứng xử chuẩn mực có văn hóa của cán bộ, đảng viên. Đổi mới tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

1.1.2. Coi trọng xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng

- Nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ; tiếp tục đổi mới phương thức tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước kịp thời, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cấp ủy, tổ chức đảng theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan truyền thông, báo chí, hệ thống báo cáo viên, tuyên truyền viên.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa và khơi dậy tinh thần “tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc” trong cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đưa việc học tập và làm theo Bác trở thành việc làm tự giác, thường xuyên của từng cán bộ, đảng viên. Chủ động, kiên quyết bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng; kết hợp nhuần nhuyễn giữa “xây và chống”, lấy “xây là trọng tâm”; kiên định, linh hoạt trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo phương châm: *Chủ động - Kịp thời - Linh hoạt - Sáng tạo - Hiệu quả*; Kịp thời định hướng thông tin, định hướng tư tưởng và dư luận xã hội.

- Đổi mới nội dung, phương pháp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cấp ủy viên và cán bộ làm công tác xây dựng đảng các cấp theo quy định.

1.1.3. Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ; nâng cao chất lượng tu dưỡng, rèn luyện, thực hành đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu.

- Đề cao trách nhiệm nêu gương, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, xây dựng văn hóa công vụ, đạo đức liêm chính, tính chuyên nghiệp, ý thức trách nhiệm; kiên quyết khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, “không dám làm”.

- Thực hiện nghiêm cơ chế tự phê bình và phê bình, phát huy dân chủ trong Đảng; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

1.1.4. Đổi mới công tác dân vận và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về công tác dân vận, nhất là dân vận chính quyền.

- Tăng cường tổ chức các cuộc đối thoại và kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, người lao động; phát hiện, xử lý dứt điểm những vấn đề phức tạp, hạn chế phát sinh “điểm nóng” ngay từ cơ sở; chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và người lao động; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước gắn với nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Thực hiện có hiệu quả phong trào “*Dân vận khéo*”, các hoạt động an sinh xã hội.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội và phát huy vai trò nòng cốt của tổ chức chính trị - xã hội trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong sạch, vững mạnh.

- Tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa cán bộ, đảng viên với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú; thực hiện nghiêm Quy chế công tác dân vận, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định có liên quan.

Nhiệm vụ cụ thể và phân công thực hiện tại Phụ lục 1.

1.2. Tập trung xây dựng Đảng về tổ chức và cán bộ

(1) Nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức, hoạt động của Đảng ủy Chính phủ; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

(2) Tiếp tục thực hiện hiệu quả mô hình “*chi bộ 4 tốt*”, “*đảng bộ cơ sở 4 tốt*” gắn với đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, xây dựng đảng bộ các cấp trong sạch, vững mạnh.

(3) Chú trọng công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên mới, quan tâm phát triển đảng trong lực lượng đoàn viên, thanh niên, đội ngũ trí thức và trong doanh nghiệp bảo đảm số lượng, nâng cao chất lượng.

(4) Ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ và các quy định liên quan về công tác cán bộ khi Trung ương ban hành các quy định mới.

(5) Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương theo phương châm: “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”; hoàn thiện việc xây dựng vị trí việc làm, quản lý biên

chế thuộc thẩm quyền và sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và thực hiện hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên *“có tài, có tâm, có tầm”*; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn mới; xác định yêu cầu cao của nhiệm kỳ 2025 - 2030 là cơ hội *“thử lửa”* của đội ngũ cán bộ các bộ, ngành trung ương, nhất là những người đứng đầu các cơ quan. Thực hiện tốt cơ chế *“có vào có ra, có lên có xuống”* trong công tác cán bộ; kịp thời thay thế ngay các vị trí không đáp ứng yêu cầu, không để ảnh hưởng đến công việc, làm chậm tiến trình phát triển của đất nước. Chuyển từ tư duy hành chính sang tư duy phục vụ; chuyển từ *“làm hết trách nhiệm”* sang *“làm đến nơi đến chốn”*.

Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đánh giá, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm, bố trí và thực hiện chính sách cán bộ; kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; chống chạy chức chạy quyền. Khắc phục tình trạng né tránh, sợ trách nhiệm trong công tác tham mưu, hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp ủy, tổ chức đảng. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay, gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với quản lý cán bộ, đảng viên, trong đó, có cán bộ, đảng viên học tập, công tác ở nước ngoài.

(6) Đẩy mạnh thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Tổ chức triển khai, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và các phần mềm nghiệp vụ liên quan lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng theo Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng. Tăng cường các biện pháp bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Nhiệm vụ cụ thể và phân công thực hiện tại Phụ lục 2.

1.3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng

(1) Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo đúng quy định, trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, các lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm.

(2) Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng; đổi mới tư duy, phương pháp, cách thức tổ chức công tác kiểm tra, giám sát, chủ động nắm chắc tình hình; chuyển công tác kiểm tra, giám sát từ cách làm truyền thống sang *“giám sát, kiểm tra trên cơ sở dữ liệu”*. Xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả, có khả năng cảnh báo, phòng ngừa vi phạm từ sớm, từ xa; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà nước và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

(3) Tăng cường giám sát, nắm chắc tình hình tổ chức đảng, đảng viên, chủ động, kịp thời phát hiện, kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; tập

trung giải quyết dứt điểm đơn, thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật Đảng, nhất là những đơn, thư liên quan đến cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cấp ủy; kịp thời xem xét, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm theo thẩm quyền. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; công khai kết quả xử lý các vụ việc theo quy định.

(4) Lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời khắc phục những vi phạm, khuyết điểm đã được chỉ ra sau kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán.

(5) Lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra các cấp; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực cho đội ngũ cán bộ cấp ủy, ủy ban kiểm tra và cán bộ làm công tác Đảng.

Nhiệm vụ cụ thể và phân công thực hiện tại Phụ lục 3.

1.4. Tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

(1) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhiệm kỳ 2025 - 2030 và hằng năm; kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ việc, hành vi vi phạm phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xây dựng văn hóa liêm chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

(2) Kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với phương châm “không có vùng tối, vùng xám”, “khoảng trống, điểm mờ”, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” thường xuyên, liên tục, không ngừng, không nghỉ, với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, tích cực, chủ động, hiệu quả; xác định phòng ngừa là chính, là cơ bản, lâu dài, phát hiện, xử lý là quan trọng, đột phá; bảo vệ, khuyến khích người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo; tập trung hoàn thiện thể chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thực sự bản lĩnh theo 4 phương châm “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” tham nhũng.

(3) Thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, công tác cán bộ theo quy định.

Nhiệm vụ cụ thể và phân công thực hiện tại Phụ lục 3.

2. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Tập trung hoàn thiện nhanh thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển

- Rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, khoáng sản, sở hữu trí tuệ, phá sản, xây dựng...

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật cho phát triển công nghệ tài chính, tài sản số, trí tuệ nhân tạo và các mô hình kinh tế mới nổi khác.
 - Tiếp tục cải cách mạnh mẽ, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ pháp luật, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Phấn đấu đến năm 2030, nâng cao xếp hạng môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam thuộc nhóm 3 quốc gia hàng đầu của ASEAN và nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới.
 - Thành lập và vận hành hiệu quả Cổng đầu tư một cửa quốc gia để thu hút, xúc tiến và giải quyết các thủ tục đầu tư theo mô hình “một cửa”.
 - Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác.
 - Xây dựng, triển khai các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.
 - Xây dựng chính sách hỗ trợ để hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, quy mô lớn, đầu đàn để dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước và mở rộng, tham gia thị trường toàn cầu.
 - Ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.
 - Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút hiệu quả các quỹ đầu tư quốc tế.
 - Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển các công trình hạ tầng chiến lược như đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi, trung tâm dữ liệu quốc gia.
 - Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển mạnh mẽ kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn; chính sách quản lý, sử dụng hợp lý, linh hoạt đất trồng lúa, chuyển đổi đất trồng lúa hiệu quả thấp sang sản xuất cây trồng, vật nuôi, sản xuất công nghiệp hoặc mục đích sử dụng khác có hiệu quả cao; cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, hợp tác công tư... cho phát triển kinh tế nông nghiệp.
 - Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, hợp tác xã.
- 2.2. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính**
- 2.2.1. Tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô và tăng cường huy động nguồn lực cho phát triển**
- Hoàn thiện cơ chế điều hành chính sách tín dụng theo cơ chế thị trường gắn với bộ tiêu chí kiểm soát chặt chẽ an toàn tín dụng.
 - Hoàn thiện khung khổ pháp lý quản lý thị trường vàng, xóa bỏ cơ chế độc quyền Nhà nước về sản xuất vàng miếng; nghiên cứu thành lập Sở giao dịch vàng

quốc gia, hoặc cho phép đưa vàng vào giao dịch trên Sở giao dịch hàng hóa, hoặc lập Sàn giao dịch vàng trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

- Xây dựng Đề án tổng thể quản lý thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, minh bạch, bền vững, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở của người dân.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực theo mô hình mới như “lãnh đạo công - quản trị tư”, “đầu tư công - quản lý tư”, “đầu tư tư - sử dụng công” và các hình thức hợp tác công - tư khác...

2.2.2. *Xác lập mô hình tăng trưởng kinh tế mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*

- Xây dựng, triển khai Đề án tổng thể xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính.

- Xây dựng, triển khai Đề án xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động hội nhập quốc tế; tập trung nâng cao năng lực sản xuất một số ngành công nghiệp chiến lược, tiến tới tự lực, tự chủ, tự cường về khoa học công nghệ.

- Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp chiến lược, công nghiệp mới nổi.

- Xây dựng, triển khai Đề án phát triển công nghiệp năng lượng nguyên tử.

- Xây dựng, triển khai Đề án nâng cao năng lực khai thác, sử dụng không gian vũ trụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

- Xây dựng, triển khai Chiến lược phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh.

- Xây dựng, triển khai Đề án phát triển du lịch với các giải pháp chiến lược, đột phá để đạt mục tiêu thu hút 45 - 50 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2030.

- Thành lập, phát triển các trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do thế hệ mới có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế.

- Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics lớn, đạt chuẩn quốc tế, gắn kết chặt chẽ với cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế.

- Xây dựng, triển khai Chiến lược phát triển, hiện đại hoá ngành ngân hàng.

- Xây dựng, triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết về phát triển kinh tế nhà nước, khẳng định vai trò chủ đạo, dẫn dắt, định hướng; nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính công, tài sản công; đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

- Triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 68 về phát triển kinh tế tư nhân.

- Phân đầu đến năm 2030 có khoảng 2 triệu doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh. Triển khai hiệu quả Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi.

2.3. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Thực hiện theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2.4. Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Xây dựng, triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hoá, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục, đào tạo.

- Triển khai lộ trình thực hiện phổ cập giáo dục mầm non; đến năm 2030, 100% tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

- Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông.

- Xây dựng, triển khai Đề án phát triển mạnh mẽ, nâng cao năng lực ngoại ngữ của người học; đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Xây dựng, triển khai Đề án đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh.

- Xây dựng, triển khai Đề án đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Nghệ thuật, Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia ngang tầm các nước tiên tiến.

- Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục.

- Phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới.

- Xây dựng, triển khai Chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, đặc biệt chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý và nguồn nhân lực cho các ngành

mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi¹.

- Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực số nhằm trang bị kỹ năng số toàn diện cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số và xã hội số.

2.5. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

2.5.1. Phát triển kết cấu hạ tầng

- Xây dựng, nâng cấp trục giao thông đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, một số đoạn đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây, các trục đường bộ Đông - Tây quan trọng; các cảng biển cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế; các cảng hàng không lớn; tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, các tuyến đường sắt kết nối quốc tế và các cảng biển trung chuyển quốc tế.

- Đầu tư, xây dựng một số nhà máy điện hạt nhân với quy mô phù hợp, công nghệ tiên tiến, an toàn, nhất là nhà máy điện hạt nhân mô-đun nhỏ.

- Xây dựng cơ chế, chính sách và triển khai các dự án điện gió ngoài khơi.

- Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số bảo đảm đồng bộ, hiện đại cho chuyển đổi số quốc gia; phát triển các nền tảng số quốc gia, tiện ích kỹ thuật số thiết yếu đáp ứng được yêu cầu Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, trung tâm dữ liệu lớn bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ và khai thác phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

2.5.2. Thúc đẩy liên kết, phát triển vùng

- Xây dựng, phát triển các vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ dọc theo các đường vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội, đường vành đai 3, vành đai 4 vùng Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn thiện thể chế liên kết vùng, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống dữ liệu, thông tin về kinh tế, xã hội, môi trường, đầu tư, hệ thống bản đồ số về quy hoạch quốc gia và đất đai.

2.5.3. Phát triển kinh tế biển

- Phát triển các cụm kinh tế biển đa ngành gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh.

¹ Các ngành như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, chuỗi khối, điện tử, chip bán dẫn, công nghệ số, công nghệ lượng tử, công nghệ sinh học, môi trường, năng lượng (bao gồm cả năng lượng nguyên tử), vật liệu tiên tiến, robot và tự động hóa, không gian vũ trụ, không gian biển, xây dựng công trình ngầm, vận hành đường sắt đô thị và đường sắt tốc độ cao.

- Xây dựng các trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường trọng điểm.
- Thúc đẩy triển khai hiệu quả Đề án phát triển nuôi trồng hải sản trên biển.
- Phát triển đội tàu vận tải biển, đáp ứng nhu cầu thị trường vận tải nội địa, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng vận tải, từng bước gia tăng, chiếm lĩnh thị phần quốc tế.
- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo như Phú Quốc, Côn Đảo, Vân Đồn, Côn Cỏ, Lý Sơn, Hòn Khoai...

2.5.4. Phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới

- Thực hiện mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng.
- Khai thác không gian ngầm, phát triển tàu điện ngầm tại các đô thị lớn.
- Thành lập, sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia; phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ để giải quyết cơ bản yêu cầu về nhà ở cho cư dân đô thị, người lao động khu công nghiệp, đặc biệt cho các đối tượng yếu thế.
- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn.

2.6. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân

- Hoàn thiện, ban hành và tổ chức thực hiện Hệ giá trị quốc gia, Hệ giá trị văn hoá, Hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam.
- Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá.
- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá cho phát triển các loại hình văn hoá, nghệ thuật dân tộc, gắn kết chặt chẽ với sự phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả của các ngành công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí.
- Xây dựng, triển khai Đề án thúc đẩy các phong trào, hoạt động văn hoá cơ sở, lấy người dân làm chủ thể và trung tâm.
- Xây dựng các công trình văn hoá, thể thao ngang tầm khu vực và quốc tế, xứng đáng là biểu tượng của thời đại Hồ Chí Minh.
- Xây dựng, triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển.
- Tổ chức lại và nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi và sử dụng hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- Xây dựng, phát triển một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngang tầm khu vực và quốc tế; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, sổ sức khỏe điện tử của người dân.

- Hiện đại hoá và nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu, quản lý lao động, việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số.
- Thiết lập và hoàn thiện các chính sách an sinh xã hội linh hoạt; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong thực hiện chính sách xã hội.
- Thiết lập các thể chế, chính sách nhằm bảo đảm công bằng trong tiếp cận cơ hội phát triển cho các nhóm yếu thế; tăng cường kết nối chặt chẽ, hiệu quả giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.
- Hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, hướng tới bao phủ toàn bộ lực lượng lao động.
- Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội, các chính sách an sinh đối với các đối tượng yếu thế; nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu, an sinh xã hội quốc gia.
- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu về tôn giáo, dân tộc nhằm cụ thể hóa hơn các giải pháp về tôn giáo, dân tộc.

2.7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm việc sử dụng đất đai hiệu quả, hợp lý, bền vững với tầm nhìn dài hạn.
- Sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, định giá đất, thu hồi đất, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và tháo gỡ cơ bản các điểm nghẽn về đất đai.
- Xây dựng, triển khai Đề án xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.
- Xây dựng, triển khai Chương trình cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên và môi trường.
- Hoàn thiện, triển khai Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước.
- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai.
- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải.
- Triển khai thực hiện Đề án thành lập và phát triển thị trường cacbon.

- Xây dựng các hồ chứa lớn tại miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ.

- Triển khai Chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long (hồ chứa nước, hệ thống giữ nước, công trình điều tiết nước, phòng, chống sạt lở, sụt lún, hạn hán, xâm nhập mặn...).

- Triển khai Chương trình phòng, chống lũ lụt, sạt lở vùng trung du và miền núi.

- Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất.

2.8. *Đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân; nâng cao năng lực quản trị xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*

- Thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP, ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 27 về tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Hoàn thiện và vận hành hiệu quả Công Pháp luật quốc gia phục vụ người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận pháp luật, tiếp nhận, giải quyết khiếu nại về văn bản quy phạm pháp luật trên môi trường số.

- Hoàn thiện các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hoàn thiện pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công, tài sản quốc gia.

- Xây dựng hệ thống đo lường chất lượng thực thi pháp luật ở các bộ, ngành, địa phương dựa trên mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

3. Tăng cường lãnh đạo công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại

3.1. *Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*

- Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; tiến tới xây dựng nền quốc phòng, an ninh hiện đại gắn với phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh.

- Tăng cường xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

- Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; ứng phó kịp thời, hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.

- Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, gắn kết chặt chẽ và trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, có sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin; bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bảo đảm chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng trong mọi tình huống và bảo đảm môi trường số an toàn, ổn định cho phát triển.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường, mở rộng tiềm lực đối ngoại, quốc phòng, an ninh.

3.2. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả

- Tiếp tục triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, triển khai hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đối ngoại, trong đó có Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới nhằm tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tạo bước chuyển về chất, đột phá quan hệ với các nước láng giềng, khu vực, đối tác quan trọng, nhiều tiềm năng, các nước bạn bè truyền thống, các khuôn khổ quan hệ đã được thiết lập để củng cố chiều sâu, ổn định, thực chất, bền vững lâu dài; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế - xã hội, thu hút nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam.

- Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế, ngoại giao khoa học công nghệ phục vụ phát triển đất nước theo chiều sâu, thực chất; triển khai xu hướng mới, các hình thức ngoại giao mới, ngoại giao chuyên ngành để huy động tối đa nguồn lực bên ngoài phục vụ tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đưa nền kinh tế tham gia sâu hơn và ở vị trí cao hơn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Nâng cao hiệu quả thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế.

- Đẩy mạnh, nâng tầm đối ngoại đa phương, phát huy mạnh mẽ vai trò, vị thế của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế, thực hiện tốt nghĩa vụ, tham gia hình thành, định hình các thể chế đa phương, chủ động, tích cực hơn nữa vào các công việc chung, cộng đồng quốc tế, nâng cao uy tín, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam. Tiếp tục thúc đẩy hợp tác, đàm phán phân định biên với các nước liên quan; thúc

đẩy đàm phán, xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) hiệu lực, thực chất, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS 1982 và thúc đẩy thực thi COC sau khi được thông qua; tăng cường hợp tác quốc tế và thúc đẩy phát triển kinh tế biển. Tích cực đàm phán giải quyết các phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền; xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, an ninh, hợp tác và phát triển.

- Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại trên cả 03 trụ cột đối ngoại Đảng, đối ngoại nhà nước, đối ngoại nhân dân và các lực lượng làm công tác đối ngoại. Tăng cường hiệu quả cơ chế phối hợp liên ngành trong triển khai chính sách đối ngoại. Nâng cao vai trò của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong tham mưu, kết nối, xúc tiến hợp tác và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc.

- Triển khai hiệu quả Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030; tiếp tục thúc đẩy triển khai các hoạt động tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh ở nước ngoài. Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng về các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo cấp cao, các sự kiện, ngày lễ lớn của đất nước.

- Chăm lo cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, giữ gìn bản sắc dân tộc; kết nối, đóng góp cho quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và các nước, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trọng tâm là khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Làm tốt công tác bảo hộ công dân.

- Bảo đảm nguồn lực cho hoạt động đối ngoại; triển khai hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế đặc thù để nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ đối ngoại và hội nhập quốc tế chuyên nghiệp, hiện đại, bản lĩnh, trí tuệ, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về hoạt động đối ngoại, ngoại giao. Triển khai thành lập mới một số Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo lộ trình.

Các nội dung về nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá (tại mục 2, mục 3) được cụ thể hoá bằng các đề án cụ thể trong Phụ lục 6 của Chương trình hành động.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Đảng uỷ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, các tỉnh uỷ, thành uỷ chỉ đạo nghiên cứu, rà soát các giải pháp huy động các nguồn lực, động lực mới cho tăng trưởng; tổ chức thực hiện kịp thời, linh hoạt, hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu ngành, lĩnh vực, chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của địa phương tại **Phụ lục 4, Phụ lục 5 và Phụ lục 6**. Đồng thời, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Đảng uỷ Chính phủ theo định kỳ hằng năm và đột xuất theo yêu cầu.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Chính phủ xây dựng chương trình, kế hoạch, hướng dẫn các đảng ủy trực thuộc tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

4. Văn phòng Đảng ủy Chính phủ chủ trì, phối hợp theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ Chính phủ theo định kỳ hằng năm; thường xuyên rà soát, cảnh báo sớm các nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc thiếu nguồn lực.

5. Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ quyết định việc điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể trong Chương trình hành động để phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển của Đảng bộ, vững bước cùng cả nước tiến mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để b/c),
- Đ/c BTĐU, TTgCP (để b/c),
- Các đ/c Phó Bí thư, UVBTV, UVBCH ĐBCP,
- Các ban Đảng và VPTW Đảng,
- Các đảng ủy trực thuộc,
- Các cơ quan TMGV của ĐUCP,
- Lưu VT, VPĐUCP (5).

**T/M BAN CHẤP HÀNH
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Hòa Bình

Phụ lục 1
CÁC NHIỆM VỤ VỀ CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức			
1	Xây dựng Đề án “Tăng cường công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phòng ngừa, đấu tranh phản bác, ngăn chặn, xử lý tin giả, thông tin sai sự thật, xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng của Đảng ủy Chính phủ, giai đoạn 2025 - 2030”; ban hành Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ về “Đổi mới công tác truyền thông chính sách và tuyên truyền thông tin tích cực, phòng ngừa, đấu tranh phản bác, ngăn chặn, xử lý tin giả, thông tin sai sự thật, xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng của Đảng ủy Chính phủ trong tình hình mới”.	Năm 2026	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Chính phủ - Ban Chỉ đạo 35	Văn phòng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
2	Tổ chức các hội nghị toàn Đảng bộ và các hoạt động cần thiết để quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Đảng ủy Chính phủ và các văn bản liên quan về hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ I và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV.	Năm 2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Chính phủ	Các ban tham mưu, giúp việc Đảng ủy Chính phủ
3	Ban hành kế hoạch về công tác tuyên truyền về việc tiếp tục sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng	Năm 2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Chính phủ	Các ban tham mưu, giúp việc Đảng ủy Chính phủ
4	Ban hành Quy định về việc cán bộ, đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên internet và mạng xã hội	Năm 2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Chính phủ	Các ban tham mưu, giúp việc Đảng ủy Chính phủ

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
5	Ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên Đảng bộ Chính phủ trong giai đoạn mới	Năm 2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Chính phủ	Văn phòng
6	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”	Năm 2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Chính phủ	Các ban tham mưu, giúp việc Đảng ủy Chính phủ
II	Đổi mới công tác dân vận; phát huy dân chủ, kỷ cương, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội			
7	Ban hành Quyết định về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của Đảng bộ Chính phủ	Năm 2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Chính phủ	Các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ
8	Ban hành văn bản chỉ đạo của Đảng ủy Chính phủ về thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở	Năm 2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Chính phủ	Các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ
9	Ban hành văn bản của Đảng ủy Chính phủ về thực hiện quy định về trách nhiệm của đảng viên thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú.	Năm 2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Chính phủ	Các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ
10	Ban hành văn bản của Đảng ủy Chính phủ về đẩy mạnh công tác dân vận, nhất là công tác dân vận chính quyền, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”.	Năm 2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Chính phủ	Các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ
11	Ban hành văn bản chỉ đạo của Đảng ủy Chính phủ về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội.	Năm 2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Chính phủ	Các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
12	Ban hành văn bản của Đảng ủy Chính phủ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong tình hình mới.	Năm 2026	Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy Chính phủ	Các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ

Phụ lục 2
CÁC NHIỆM VỤ VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động của Đảng ủy Chính phủ; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên			
1	Phối hợp tham mưu sửa đổi, bổ sung Quy định số 60-QĐ/TW, ngày 08/3/2022 của Ban Bí thư về tổ chức đảng trong các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước và Quyết định số 61-QĐ/TW, ngày 08/3/2022 của Ban Bí thư về Quy chế phối hợp công tác giữa đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước với cấp ủy địa phương để triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn mô hình tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước	Theo chỉ đạo của Trung ương	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan
2	Xây dựng phương án sắp xếp tổ chức đảng trong các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước theo Kết luận số 197-KL/TU, ngày 03/10/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của tổ chức cơ sở đảng trong thời gian tới.	Theo chỉ đạo của Trung ương	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ	
3	Rà soát, thực hiện chuyển giao tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp nhà nước về trực thuộc cấp ủy địa phương theo quy định của Trung ương	Theo chỉ đạo của Trung ương	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ	Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy xã, phường liên quan
4	Đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức đảng sau sắp xếp mô hình tổ chức đảng trong Đảng bộ Chính phủ	Cùng với việc sắp xếp mô hình tổ chức đảng	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ. Đảng ủy các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan	

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
5	Rà soát, giải quyết và đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác xây dựng Đảng: về mô hình; chức năng, nhiệm vụ; tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy các bộ, ngành...	Theo tình hình thực tiễn	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan	
II	Xây dựng đảng bộ các cấp trong sạch, vững mạnh			
6	Chỉ đạo tiếp tục thực hiện mô hình “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt” gắn với đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ	Quý I/2026	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ	
7	Triển khai thực hiện Kết luận số 198-KL/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đánh giá đối với cán bộ lãnh đạo quản lý trong hệ thống chính trị trong Đảng bộ Chính phủ	Định kỳ hàng quý trong năm	Ban Tổ chức; các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ	
8	Hướng dẫn việc kiểm điểm tự phê bình, phê bình và đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân trong Đảng bộ Chính phủ	Quý IV/2025	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ	
III	Chú trọng công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên mới			
9	Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả công tác phát triển đảng viên trong cả nhiệm kỳ và hằng năm	Tháng 12/2025	Ban Tổ chức Đảng	

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			Ủy Chính phủ	
10	Xây dựng văn bản chỉ đạo về việc tiếp tục đẩy mạnh phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp Đảng, đồng thời nâng cao chất lượng phát triển đảng viên để tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị, doanh nghiệp trước mắt và lâu dài	Quý II/2026	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ	
IV Ban hành các quy chế, quy định về công tác cán bộ				
11	Ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ	Sau khi có Quy định mới của Trung ương	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ	Bộ Nội vụ
12	Ban hành quy định về tiêu chuẩn chức danh và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp	Sau khi có quy định mới của Trung ương	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ	Bộ Nội vụ
13	Ban hành Quy chế thi đua khen thưởng	Tháng 11/2025	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của	

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			Đảng ủy Chính phủ	
14	Cụ thể hóa, rà soát, bổ sung xây dựng và thực hiện các quy định, hướng dẫn về công tác cán bộ	Thường xuyên	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ	
15	Cụ thể hóa và triển khai chiến lược quốc gia về cơ chế khuyến khích, trọng dụng nhân tài và bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung	Theo chỉ đạo của Trung ương	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ	Bộ Nội vụ
V	Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đánh giá, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm, bố trí và thực hiện chính sách cán bộ, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ			
16	Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030	Quý I/2026	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ	
17	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hằng năm	Quý I hằng năm	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ	
18	Ban hành Kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hằng năm	Quý I hằng năm	Ban Tổ chức Đảng	Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			Ủy Chính phủ. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ	Chí Minh; các trường đào tạo cán bộ
19	Kiểm tra giám sát thường xuyên và kiểm tra giám sát chuyên đề về công tác tổ chức xây dựng Đảng		Thường xuyên và theo Kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm	
VI	Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ			
20	Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay; gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác quản lý cán bộ, đảng viên	Thường xuyên	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ	
VII	Chuyển đổi số trong công tác tổ chức xây dựng Đảng			
21	Xây dựng cơ sở dữ liệu đảng viên, sổ tay đảng viên điện tử, vận hành và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên trên mạng thông tin điện rộng của Đảng và triển khai nhiệm vụ theo Đề án chuyển đổi số trong cơ quan Đảng	Thường xuyên	Ban Tổ chức Đảng ủy Chính phủ	

Phụ lục 3
CÁC NHIỆM VỤ VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT,
KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG
THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng			
1	Quán triệt, tuyên truyền các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, nghị quyết đại hội đảng các cấp và các nghị quyết, quy định, quy trình, quyết định, kết luận của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.	Năm 2026	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Chính phủ	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; các đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc
2	Thực hiện Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030.	Thực hiện theo chỉ đạo, kế hoạch của Trung ương	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Chính phủ	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ
3	Triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng theo Kế hoạch số 219-KH/UBKTTW, ngày 14/3/2025, Kế hoạch số 237-KH/UBKTTW, ngày 11/6/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Thông báo số 207-TB/VPTW, ngày 27/5/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng.	Thực hiện theo chỉ đạo, kế hoạch của Trung ương	- Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Chính phủ. - Ủy ban Kiểm tra đảng ủy các cấp.	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; các đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
4	Kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trong thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển đất nước, nhất là các nghị quyết quan trọng của Trung ương ban hành gần đây được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; kiểm tra, giám sát đối với các vấn đề “nóng” dư luận xã hội quan tâm như quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, năng lượng, an toàn thực phẩm...; kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy và triển khai thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.	Thực hiện thường xuyên và đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; các đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc
5	Thực hiện Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng tại Đảng bộ Chính phủ trong tình hình mới”.	Tháng 6/2026	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Chính phủ	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; các đảng ủy trực thuộc
6	Thực hiện chuyển đổi số trong ngành kiểm tra Đảng; thực hiện kiểm tra, giám sát trên dữ liệu số.	Thực hiện theo chỉ đạo, kế hoạch của Trung ương	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Chính phủ	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; các đảng ủy trực thuộc
II	Tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực			

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CÁC ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
7	Thực hiện Chương trình quốc gia về giáo dục liêm chính và phòng, chống lãng phí	Thực hiện theo chỉ đạo, kế hoạch của Trung ương	Đảng ủy Văn phòng Chính phủ	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ Chính phủ
8	Thực hiện Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh tra, kiểm tra, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”.	Tháng 6/2026	Đảng ủy Thanh tra Chính phủ	Các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; các đảng ủy trực thuộc

Phụ lục 4
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030	Cấp ủy chủ trì
1	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân/năm (%)	Phấn đấu đạt từ 10% trở lên	Bộ Tài chính
2	GDP bình quân đầu người (USD)	8.500	Bộ Tài chính
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP (%)	28	Bộ Công Thương
4	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người (USD)	2.400	Bộ Công Thương
5	Tỷ trọng kinh tế số trong GDP (%)	30	Bộ Khoa học và Công nghệ
6	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	> 55	Bộ Khoa học và Công nghệ
7	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	8,5	Bộ Tài chính
8	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân/GDP (%)	40	Bộ Tài chính
9	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP/năm (%)	1 - 1,5	Bộ Công Thương
10	Tỷ lệ đô thị hoá (%)	> 50	Bộ Xây dựng
11	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	~ 75,5	Bộ Y tế
12	Thời gian sống khỏe (năm)	68	Bộ Y tế
13	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	20	Bộ Tài chính
14	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	35 - 40	Bộ Giáo dục và Đào tạo
15	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) (%)	Giảm 1-1,5 điểm%/năm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
16	Số bác sĩ/vạn dân (người)	19	Bộ Y tế
17	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hàng năm	100%	Bộ Y tế
18	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân (%)	> 95	Bộ Y tế
19	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,78	Bộ Tài chính
20	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (%)	> 90	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
21	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (%)	80	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030	Cấp ủy chủ trì
22	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100	Bộ Tài chính
23	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	65 - 70	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
24	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường (%)	98 - 100	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
25	Tỷ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính (%)	8 - 9	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
26	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia (%)	6	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
27	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	42	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục 5

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GDP, GRDP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Tiếp tục cập nhật đến thời điểm trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Chính phủ)

STT	Ngành, lĩnh vực/Địa phương	Tốc độ bình quân 2026 - 2030 (%/năm)	Cấp ủy chủ trì
	Cả nước	≥ 10	Bộ Tài chính
I	Theo ngành, lĩnh vực		
1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	3,5	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	12,3	
	- Công nghiệp	11,8	Bộ Công Thương
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	12,4	Bộ Công Thương
	- Xây dựng	14,5	Bộ Xây dựng
3	Khu vực dịch vụ	9,5	
	Trong đó:		
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	11,2	Bộ Công Thương
	- Vận tải, kho bãi	11,2	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	12,4	Bộ Công Thương
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	11,5	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước
	- Chuyên môn khoa học, công nghệ	12,0	Bộ Khoa học và Công nghệ
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	9,0	Bộ Tài chính
II	Theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương^(*)		Các tỉnh ủy, thành ủy
1	Thành phố Hà Nội	10,5 - 11,0	
2	Thành phố Hồ Chí Minh ^(**)	10,0	
3	Thành phố Hải Phòng	14,0 - 14,5	
4	Thành phố Huế	10,0	
5	Thành phố Đà Nẵng	11,0 - 11,5	
6	Thành phố Cần Thơ	10,0 - 10,5	
7	Lai Châu	10,0	
8	Điện Biên	11,0	
9	Sơn La	8,0 - 8,5	
10	Lào Cai	10,0	
11	Phú Thọ	10,5	
12	Tuyên Quang	10,5	

STT	Ngành, lĩnh vực/Địa phương	Tốc độ bình quân 2026 - 2030 (%/năm)	Cấp ủy chủ trì
13	Cao Bằng	8,0 - 9,0	
14	Thái Nguyên	10,5	
15	Lạng Sơn	10,0 - 11,0	
16	Quảng Ninh	11,0 - 12,0	
17	Bắc Ninh	10,5	
18	Hung Yên	10,0 - 11,0	
19	Ninh Bình	10,5 - 11,0	
20	Thanh Hoá	11,0	
21	Nghệ An	11,0 - 12,0	
22	Hà Tĩnh	10,0	
23	Quảng Trị	9,0 - 10,0	
24	Quảng Ngãi	9,0 - 9,5	
25	Gia Lai	10,0 - 10,5	
26	Đắk Lắk	11,0 - 11,5	
27	Khánh Hoà	11,0 - 12,0	
28	Lâm Đồng	10,0 - 10,5	
29	Đồng Nai	10,0	
30	Tây Ninh	10,0 - 10,5	
31	Đồng Tháp	8,5 - 9,0	
32	Vĩnh Long	10,0 - 10,5	
33	An Giang	9,5 - 10,0	
34	Cà Mau	10,0 - 10,5	

Ghi chú:

(*) Theo mục tiêu phấn đấu đăng ký của các địa phương.

(**) Tốc độ tăng trưởng GRDP Thành phố Hồ Chí Minh không kể dầu khí khoảng 10,5 - 11,0%/năm.

Phụ lục 6

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

(Tiếp tục cập nhật đến thời điểm trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Chính phủ)

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
I	Tập trung hoàn thiện nhanh thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển				
1	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, hạ tầng, đô thị, năng lượng (Luật Điện lực, Luật Quy hoạch, Luật Quản lý phát triển đô thị, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn...)	Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương		2025 - 2026	
2	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số (Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển đổi số, Luật Đo lường, Luật Bưu chính...)	Bộ Khoa học và Công nghệ		2025 - 2026	
3	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp...)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2025	
4	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực y tế, dân số (Luật Dân số, Luật Phòng bệnh...)	Bộ Y tế		2025 - 2026	
5	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường (Luật Địa chất và khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường...)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		2025 - 2026	
6	Luật Đất đai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		2025 - 2026	

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
7	Đánh giá, tổng kết thi hành Bộ luật Lao động năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành về giải quyết tranh chấp lao động cá nhân, tranh chấp lao động tập thể (về quyền, lợi ích) thông qua hòa giải, trọng tài	Bộ Nội vụ		2025 - 2026	
8	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực thuế, phí, lệ phí, quản lý giá (Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Giá...)	Bộ Tài chính		2025 - 2026	
9	Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Phòng, chống tham nhũng...)	Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ		2025 - 2026	
10	Luật Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ		2025 - 2026	
11	Luật Phá sản	Toà án nhân dân tối cao		2025 - 2026	
12	Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo		2025 - 2026	
13	Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam	Bộ Công an		2025 - 2026	
14	Hoàn thiện khung pháp lý về mô hình đô thị trong hệ thống chính quyền địa phương hai cấp	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành	2025 - 2026	
15	Thành lập Cổng đầu tư một cửa quốc gia	Bộ Tài chính	Các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	
16	Xây dựng khung pháp lý quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản số, tiền kỹ thuật số	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước	2025 - 2026	

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
17	Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị	Bộ Tài chính	Bộ Xây dựng, thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	2025 - 2026	
18	Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính	2025 - 2026	
19	Xây dựng cơ chế, chính sách và tiêu chí thành lập các đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế	Bộ Tài chính	Các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	
II	Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính				
20	Xây dựng Đề án xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	
21	Xây dựng Đề án xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động hội nhập quốc tế; tập trung nâng cao năng lực sản xuất một số ngành công nghiệp chiến lược, tiến tới tự lực, tự chủ, tự cường về khoa học công nghệ	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	
22	Xây dựng cơ chế điều hành tín dụng theo cơ chế thị trường gắn với bộ tiêu chí kiểm soát an toàn tín dụng	Ngân hàng Nhà nước		2025 - 2026	
23	Nghiên cứu thành lập Sở giao dịch vàng với hình thức phù hợp	Ngân hàng Nhà nước		2025 - 2030	
24	Xây dựng Đề án quản lý thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân	Bộ Xây dựng	Các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
25	Xây dựng cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng nguồn lực theo mô hình “lãnh đạo công - quản trị tư”, “đầu tư công - quản lý tư”, “đầu tư tư - sử dụng công”	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành	2025 - 2026	
26	Phát triển Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng	Bộ Tài chính, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng	Ngân hàng Nhà nước, các bộ, ngành	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
27	Thành lập, phát triển các khu thương mại tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Khánh Hoà và các địa phương có điều kiện thuận lợi	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố		2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
28	Xây dựng Chương trình phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp mới nổi	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	
29	Xây dựng Đề án phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hoá và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn	Bộ Công Thương	Các tỉnh, thành phố	2026	
30	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp đường sắt	Bộ Công Thương	Bộ Xây dựng, các bộ, cơ quan và địa phương	2026	
31	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp năng lượng nguyên tử	Bộ Khoa học và Công nghệ		2026	
32	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp năng lượng xanh, năng lượng sạch	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33	Xây dựng Đề án phát triển nâng cao năng lực khai thác, sử dụng không gian vũ trụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh	Bộ Khoa học và Công nghệ		2026 - 2027	
34	Xây dựng Chiến lược phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành	2026	
35	Xây dựng Đề án phát triển du lịch với các giải pháp đột phá để đạt mục tiêu thu hút 45-50 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2030	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	
36	Xây dựng chính sách hỗ trợ, kích cầu tiêu dùng, phát triển thị trường tiêu dùng nội địa	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính	2026	
37	Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics lớn gắn với cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế	Bộ Công Thương	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	
38	Xây dựng Chiến lược phát triển, hiện đại hoá ngành ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước		2026	
39	Xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp bền vững gắn với kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp số và xây dựng nông thôn, nông dân giàu có	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ, các tỉnh, thành phố	2026	
40	Hoàn thiện cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, hợp tác công tư... cho phát triển kinh tế nông nghiệp nhanh, hiệu quả, bền vững	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành		2026 - 2027	
41	Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp gắn với hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026	

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
42	Xây dựng Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	
43	Rà soát, điều chỉnh các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho doanh nghiệp tư nhân trong nước trong tiếp cận vốn, đất đai, các chính sách ưu đãi và nguồn lực khác	Bộ Tài chính và các bộ, ngành		2026 - 2027	
44	Xây dựng các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương	2026 - 2027	
45	Ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh	Các bộ, ngành		2026 - 2027	
46	Xây dựng chính sách hỗ trợ để hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, quy mô lớn, đầu đàn để dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước và mở rộng, tham gia thị trường toàn cầu	Bộ Tài chính		2026 - 2027	
47	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, hợp tác xã	Bộ Tài chính	Các tỉnh, thành phố	2026	
48	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo...	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	
49	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút hiệu quả các quỹ đầu tư quốc tế	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước	2026	

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
50	Xây dựng Đề án huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong đó có nguồn lực trong Nhân dân	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước	2026 - 2027	
III	Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
51	Thực hiện theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
52	Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.				
IV	Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới				
53	Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
54	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực ngoại ngữ của người học, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2026	
55	Xây dựng Đề án đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2026	
56	Xây dựng Đề án đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Nghệ thuật, Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2026	
57	Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục ngang tầm các nước tiên tiến	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2025 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
58	Xây dựng Đề án phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	
59	Phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2025 - 2035	
60	Xây dựng Chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, nhất là các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	
61	Xây dựng Chương trình phát triển nguồn nhân lực số, chuẩn bị kỹ năng số để phát triển kinh tế số, xã hội số	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
V	Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới				
	<i>Đường bộ cao tốc, đường ven biển</i>				
62	Hà Nội - Hoà Bình - Sơn La - Điện Biên	Bộ Xây dựng/ Các tỉnh	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	Đoạn Hoà Bình - Mộc Châu: 2022 - 2028; Mộc Châu - Sơn La - Điện Biên: 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
63	Bắc Kạn - Cao Bằng	Bộ Xây dựng/ Các tỉnh	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	2026 - 2028	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
64	Quy Nhon - Pleiku - Lệ Thanh	Bộ Xây dựng/ Tỉnh Gia Lai	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	Đoạn Quy Nhon - Pleiku: 2025 - 2029	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
65	Quảng Ngãi - Kon Tum	Bộ Xây dựng/ Tỉnh Quảng Ngãi	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
66	Cao tốc Bắc - Nam phía Tây qua Tây Nguyên	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	Đoạn Gia Nghĩa - Chơn Thành: 2025 - 2027	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
67	Một số tuyến cao tốc quan trọng kết nối vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
68	Vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
69	Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	2025 - 2028	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
70	Hoàn thành đường ven biển theo quy hoạch	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	Đến năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
71	Nghiên cứu, xây dựng tuyến cao tốc Viêng Chăn - Hà Nội	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Ngoại giao các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
	Đường sắt				
72	Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	2027 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
73	Đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
74	Đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	Nghiên cứu, triển khai giai đoạn 2026 - 2030; hoàn thành sau năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
75	Đường sắt Móng Cái - Hạ Long - Hải Phòng	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	Nghiên cứu, triển khai giai đoạn 2026 - 2030; hoàn thành sau năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
76	Đường sắt Biên Hoà - Vũng Tàu	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	Nghiên cứu, triển khai giai đoạn 2026 - 2030; hoàn thành sau năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
77	Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	Nghiên cứu, triển khai giai đoạn 2026 - 2030; hoàn thành sau năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
78	Đường sắt đô thị Hà Nội	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính	Đến năm 2030, hoàn thành khoảng 100 km; đến năm 2035, hoàn thành khoảng 300 km	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
79	Đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính	Đến năm 2030, hoàn thành khoảng 100 km; đến năm 2035, hoàn thành khoảng 300 km	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
80	Đường sắt đô thị Thủ Thiêm - Long Thành	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
81	Nghiên cứu, xây dựng đường sắt Viêng Chăn - Vũng Áng	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Ngoại giao, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
	Cảng biển				
82	Đầu tư hoàn chỉnh cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện và Cái Mép - Thị Vải	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
83	Xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh), cảng Liên Chiểu (Đà Nẵng), cảng Hòn Khoai (Cà Mau), cảng Nam Đồ Sơn (Hải Phòng), cảng Vân Phong (Khánh Hòa), cảng Trần Đề (Cần Thơ)	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	Nghiên cứu, triển khai giai đoạn 2026 - 2030; hoàn thành sau năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
	Cảng hàng không quốc tế				
84	Cảng hàng không quốc tế Long Thành (giai đoạn 2)	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	Khởi công giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
85	Nâng cấp, mở rộng cảng hàng không quốc tế Nội Bài	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
86	Cảng hàng không quốc tế Gia Bình	Bộ Công an	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố trong khu vực địa lý của dự án	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
87	Nâng cấp cảng hàng không quốc tế Phú Quốc	Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính,	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
	Năng lượng				
88	Nhà máy điện hạt nhân (xây dựng một số nhà máy điện hạt nhân với quy mô phù hợp, công nghệ tiên tiến, an toàn nhất là nhà máy điện hạt nhân mô-đun nhỏ)	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ	Các tỉnh, thành phố	Khởi công giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
89	Các dự án năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió trên đất liền và ngoài khơi...)	Bộ Công Thương	Bộ Quốc phòng, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, đầu tư tư nhân
	Hạ tầng số				
90	Hạ tầng dữ liệu - Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
91	Hạ tầng số cho Chính phủ số - Hạ tầng điện toán đám mây Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
92	Hạ tầng ứng dụng số - Các nền tảng số quốc gia dùng chung	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
93	Nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
94	Hạ tầng số quản trị thông minh tài sản, môi trường trọng yếu quốc gia - Bản sao số các tài sản, môi trường trọng yếu quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	
95	Hạ tầng số hiện đại hóa báo chí - chuyển đổi số báo chí, xuất bản, thông tin cơ sở	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	
96	Hạ tầng nghiên cứu phát triển cho công nghiệp công nghệ số, trọng tâm là công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp an toàn thông minh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	
	<i>Phát triển vùng, kinh tế biển, đô thị, nông thôn</i>				
97	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống dữ liệu, thông tin về kinh tế, xã hội, môi trường, đầu tư, hệ thống bản đồ số về quy hoạch; tập trung hoàn thiện, nâng cao hiệu quả Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2027	Ngân sách nhà nước

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
98	Xây dựng hệ thống bản đồ số về đất đai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		2026 - 2027	Ngân sách nhà nước
99	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo như Phú Quốc, Côn Đảo, Vân Đồn, Côn Cỏ, Lý Sơn, Hòn Khoai...	Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các địa phương	Bộ Quốc phòng	2025 - 2026	Ngân sách nhà nước
100	Thành lập, sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia	Bộ Xây dựng	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
101	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2035	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
VI	Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của nhân dân				
102	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035; phát triển các ngành công nghiệp văn hoá	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2025 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
103	Ban hành hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam, tích hợp vào chương trình giáo dục, truyền thông đại chúng và hoạt động văn hoá cơ sở	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	
104	Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá cho phát triển các loại hình văn hoá nghệ thuật dân tộc	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	2026 - 2027	
105	Xây dựng Đề án thúc đẩy các phong trào, hoạt động văn hoá cơ sở, lấy người dân làm trung tâm	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các tỉnh, thành phố	2026	
106	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035	Bộ Y tế	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
107	Xây dựng một số trung tâm khám bệnh, chữa bệnh ngang tầm khu vực và quốc tế; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại	Bộ Y tế	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
108	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, sổ sức khỏe điện tử của người dân	Bộ Y tế	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	
109	Xây dựng chính sách lao động, việc làm để thích ứng với vấn đề già hoá dân số nhanh	Bộ Nội vụ		2026	
110	Sửa đổi, bổ sung Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Ngân sách nhà nước
111	Sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Ngân sách nhà nước

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
112	Tổng kết Chi thị số 14-CT/TW, ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Ngân sách nhà nước
113	Nghiên cứu, xây dựng Đề án chính sách tổng thể đối với người có công với cách mạng	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2028 - 2029	
114	Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Các tỉnh, thành phố	2026	
115	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
VII	Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai				
116	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	
117	Sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cơ chế định giá đất, cơ chế thu hồi đất, làm cơ sở đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và giải quyết cơ bản các điểm nghẽn về đất đai khi thực hiện các dự án liên quan đến sử dụng đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
118	Xây dựng Đề án xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026	
119	Xây dựng Chương trình cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, các tỉnh, thành phố	2026	
120	Hoàn thiện cơ chế quản lý hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026	
121	Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026	
122	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
123	Xây dựng các hồ chứa lớn tại miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
124	Chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long (hồ chứa nước, hệ thống giữ nước, công trình điều tiết nước, phòng, chống sạt lở, sụt lún, hạn hán, xâm nhập mặn...)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
125	Chương trình phòng, chống lũ lụt, sạt lở vùng trung du và miền núi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
126	Hoàn thiện, triển khai Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	Ngân sách nhà nước

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
VIII	Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa				
127	Điều chỉnh tổ chức, biên chế, sáp nhập, thành lập mới một số lực lượng mới phù hợp với Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự Việt Nam, các chiến lược chuyên ngành và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, tổ chức quân sự địa phương tinh, gọn, mạnh	Quân ủy Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
128	Tăng cường sức mạnh quốc phòng, phòng thủ dân sự, ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, biển, đảo; bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng và các môi trường không gian chiến lược mới	Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
129	Điều chỉnh quy hoạch tổng thể thể trận quốc phòng gắn với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại phù hợp với hình thái chiến tranh, phương thức tác chiến hiện đại và địa giới địa lý hành chính địa phương mới	Quân ủy Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
130	Xây dựng chương trình phát triển lý luận chiến tranh nhân dân, nghệ thuật quân sự trong tình hình mới và chiến tranh công nghệ cao. Hoàn thiện đồng bộ thể chế quân sự, quốc phòng. Tổng kết các nghị quyết, kết luận, chiến lược của Đảng về quân sự, quốc phòng	Quân ủy Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
131	Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút trọng dụng nhân tài đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
132	Huy động hiệu quả mọi nguồn lực trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ và xây dựng Quân đội hiện đại	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
133	Xây dựng đề án phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, hạt nhân, bán dẫn, chuyển đổi số trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
134	Xây dựng đề án phát triển tiềm lực đối ngoại quốc phòng, tham gia hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng. Hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, hỗ trợ nhân đạo, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm hoạ, khắc phục hậu quả chiến tranh. Đăng cai tổ chức các hoạt động đa phương về quân sự, quốc phòng các cấp	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
IX	Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, trọng tâm là ngoại giao kinh tế; phát huy vai trò, vị thế, uy tín của Việt Nam để xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, thịnh vượng				
135	Thực hiện Nghị quyết số 153/NQ-CP, ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
136	Xây dựng và thực hiện Đề án về công tác người Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
137	Tổng kết, sơ kết các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng về đối ngoại và xây dựng các văn bản mới của Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo công tác đối ngoại	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
138	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026	Ngân sách nhà nước
139	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thỏa thuận quốc tế	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026	Ngân sách nhà nước
140	Xây dựng Luật Hàm cấp ngoại giao	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2027	Ngân sách nhà nước
141	Xây dựng Luật Ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh sự, ưu đãi, miễn trừ của tổ chức quốc tế	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2027	Ngân sách nhà nước
142	Thực hiện Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
143	Rà soát, đôn đốc, nâng cao hiệu quả thực thi cam kết, thỏa thuận quốc tế ký kết	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
144	Xây dựng quy hoạch hệ thống các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đến năm 2045	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2027 - 2028	Ngân sách nhà nước
145	Triển khai hiệu quả Nghị quyết 292 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
146	Đề án mở mới các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đến năm 2030	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
147	Triển khai thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
	của Đảng đối với công tác ký kết và thực hiện các cam kết quốc tế				nhà nước
148	Đề án tăng cường công tác đối ngoại phục vụ phát triển trong tình hình mới	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
149	Xây dựng và triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế giai đoạn 2025-2030	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2025	Ngân sách nhà nước
150	Xây dựng và triển khai Đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các bộ, ngành, địa phương và đội ngũ làm công tác đối ngoại nhân dân đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế trong kỷ nguyên mới	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
151	Triển khai hiệu quả Kế hoạch đăng cai các hội nghị đa phương quốc tế đến năm 2030	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
152	Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch Chiến lược của Cộng đồng Chính trị An ninh ASEAN (APSC) đến 2035	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	Quý IV/2025	Ngân sách nhà nước
153	Xây dựng và triển khai Đề án về việc Việt Nam đảm nhiệm cương vị thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2026-2028	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2025 - 2028	Ngân sách nhà nước
154	Nghiên cứu, ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2026-2030 của Bộ Ngoại giao thực hiện Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	12/2025	Ngân sách nhà nước
155	Nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Ngoại giao triển khai Đề án Thương hiệu quốc gia Việt Nam	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	12/2025	Ngân sách nhà nước
156	Ký Biên bản ghi nhớ hợp tác với Văn phòng UNESCO tại Hà Nội	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2025	Ngân sách nhà nước
157	Tuyên truyền sâu rộng về các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo cấp cao, các sự kiện, ngày lễ lớn của đất nước	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026-2030	Ngân sách nhà nước
158	Triển khai sử dụng phần mềm hộ tịch điện tử tại các Cơ quan đại diện	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	11/2025	Ngân sách

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
	Việt Nam ở nước ngoài				nhà nước
159	Xây dựng và triển khai Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Chỉ thị số 49-CT/TW của Ban Bí thư về công tác phi chính phủ nước ngoài	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	12/2025	Ngân sách nhà nước
160	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề xuất triển khai các hình thức, cơ chế đại diện nhà nước ở nước ngoài phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của pháp luật	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2025	Ngân sách nhà nước
161	Xây dựng Thông tư phân cấp, phân quyền trong quản lý tài sản công của Bộ Ngoại giao	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2025	Ngân sách nhà nước
162	Nâng cấp hệ thống bảo mật	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành		Ngân sách nhà nước
X	Đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân; nâng cao năng lực quản trị xã hội				
163	Thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP, ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới	Đảng uỷ Chính phủ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
164	Hoàn thiện và vận hành hiệu quả Công pháp luật quốc gia	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
165	Hoàn thiện các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành	2026	Ngân sách nhà nước
166	Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, các	2026	Ngân sách

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
	nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập		tỉnh, thành phố		nhà nước
167	Sửa đổi, bổ sung Luật Thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách nhà nước